

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-602 INSTEAD.
LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-602 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.
Số Hồ Sơ

County _____ Seat of Court _____
Quận/Hạt _____ Thành Phố của Tòa Án _____

NOTE: [Use AOC-CR-301 for sentences under G.S. 130A-25(b). Use AOC-CR-342 for DWI offense(s).]
LƯU Ý: [Sử dụng mẫu AOC-CR-301 cho các bản án theo G.S. 130A-25(b). Sử dụng AOC-CR-342 cho (các) vi phạm lái xe trong tình trạng không tỉnh táo.]

In The General Court Of Justice
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý
 District Superior Court Division
Phân Bộ Tòa Án Khu Vực Thượng Thẩm

STATE VERSUS
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

JUDGMENT AND COMMITMENT - MISDEMEANOR
ACTIVE PUNISHMENT

(STRUCTURED SENTENCING)
(For Convictions On Or After Oct. 1, 2014)

PHÁN QUYẾT VÀ LỆNH GIAM TÙ - TỘI TIỂU HÌNH
BẢN ÁN TÙ
(TUYÊN ÁN THEO KHUNG PHẠT)

(Đối với các tội kết án vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười, 2014)
G.S. 15A-1301, -1340.20
G.S. 15A-1301, -1340.20

Name Of Defendant
Tên Bị Cáo

Race
Chủng tộc

Sex
Giới tính

Date Of Birth (mm/dd/yyyy)
Ngày sinh (tháng/ngày/năm)

Attorney For State
Luật sư đại diện cho tiểu bang

Def. Found Not Indigent
Bị cáo không phải là người
nghèo
 Def. Waived Attorney
Bị cáo từ bỏ quyền có luật
sư

Attorney For Defendant
Luật sư của bị cáo

Appointed
Được chỉ định
 Retained
Được thuê

Crt Rptr Initials
Chữ ký tắt của tốc ký viên

The defendant was found guilty/responsible, pursuant to plea (pursuant to Alford) (of no contest) trial by judge trial by jury, of
Bị cáo đã được xác nhận có tội/chịu trách nhiệm thông qua việc tự nhận tội (theo kiểu Alford) (theo kiểu không chối tội) bị Tòa Án phán
quyết có tội bị bồi thẩm đoàn phán quyết có tội

File No.(s) (Các) Số hồ sơ	Off. Vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date (mm/dd/yyyy) Ngày vi phạm (tháng/ngày/năm)	G.S. No. Số G.S.	CL. Bậc tội	*Pun. CL. *Bậc hình phạt

*NOTE: Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).

*LƯU Ý: Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).

The Court has determined, pursuant to G.S. 15A-1340.20, the number of prior convictions to be _____. Level: I (0) II (1-4) III (5+)
Chiếu theo điều G.S. 15A-1340.20, Tòa Án đã xác nhận rằng số tiền án là _____.
Mức: I (0) II (1-4) III (5+)

1. The Court finds: (a) enhancement for G.S. 90-95(e)(4) (drugs). G.S. 14-3(c) (hate crime). G.S. 14-50.22 (gang misdemeanor). (b) enhancement from required suspended sentence to Class 2 misdemeanor. G.S. 90-95(e)(7).
- Tòa Án này xác nhận có: (a) tình tiết tăng mức phạt theo G.S. 90-95(e)(4) (ma túy). G.S. 14-3(c) (tội phạm do lòng căm thù).
 G.S. 14-50.22 (tội tiểu hình khi tham gia băng đảng).
 (b) tình tiết tăng mức phạt từ bản án treo bắt buộc lên tội tiểu hình Bậc 2. G.S. 90-95(e)(7).

This finding is based on a determination of this issue by the trier of fact beyond a reasonable doubt or on the defendant's admission.

Xác nhận này căn cứ vào kết luận của người có trách nhiệm xác định các tình tiết của vụ án ngoài mức nghi vấn hợp lý, hoặc căn cứ vào lời thú nhận của bị cáo.

2. The Court imposes mandatory punishment pursuant to G.S. 14-33(d). (assault in the presence of a minor)
Tòa Án tuyên án hình phạt bắt buộc theo điều G.S. 14-33(d). (hành hung người khác trước mặt trẻ vị thành niên)
3. The Court imposes the sentence pursuant to G.S. 15A-1340.20(c1). (active punishment exception)
Tòa Án tuyên bản án bắt buộc theo điều G.S. 15A-1340.20(c1). (miễn trừ quy định về bản án tù)
4. The Court finds the above-designated offense(s) is a reportable conviction under G.S. 14-208.6 and therefore makes the additional findings and orders on the attached AOC-CR-615, Side One.
Tòa Án xác nhận rằng (các) vi phạm được định rõ trên đây thuộc loại bản án phải báo cáo chiếu theo G.S. 14-208.6 và do đó Tòa Án đưa ra các xác nhận và án lệnh thêm trên Mặt Một của mẫu AOC-CR-615 đính kèm.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

5. The Court finds the above-designated offense(s) involved the physical, mental, or sexual abuse of a minor.
(NOTE: If offense(s) is not also a reportable conviction in No. 4 above, this finding requires no further action by the Court.)
Tòa Án xác nhận rằng (các) vi phạm được định rõ trên có liên quan đến việc ngược đãi một trẻ vị thành niên về mặt thể chất, tâm lý hoặc tình dục.
(LƯU Ý: Nếu (các) vi phạm này không đồng thời là bản án thuộc diện cần báo cáo theo Mục 4 trên, Tòa Án không phải làm bất kỳ điều gì nữa sau khi đưa ra xác nhận này.)
6. The Court finds this is an offense involving assault, communicating a threat, or an act defined in G.S. 50B-1(a), and the defendant had a personal relationship as defined by G.S. 50B-1(b) with the victim.
Tòa Án này xác nhận rằng vi phạm này có liên quan đến hành vi hành hung, hăm dọa hoặc một hành vi khác được định nghĩa trong điều G.S. 50B-1(a), và rằng bị cáo đã có quan hệ thân thiết như được định nghĩa trong G.S. 50B-1(b) với nạn nhân.
7. The Court finds the above-designated offense(s) involved (check one) (offenses committed Dec. 1, 2008 - Nov. 30, 2017) criminal street gang activity (offenses committed on or after Dec. 1, 2017) criminal gang activity. G.S. 14-50.25.
Tòa Án xác nhận rằng (các) vi phạm ghi trên có liên quan đến (đánh dấu một ô) (đối với các tội vi phạm từ ngày 1 Tháng Mười Hai năm 2008 đến 30 Tháng Mười Một năm 2017) các hoạt động phạm pháp của băng đảng đường phố (đối với các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai năm 2017) các hoạt động phạm pháp của băng đảng. G.S. 14-50.25.
8. The Court did not grant a conditional discharge under G.S. 90-96(a) because (check all that apply) the defendant refused to consent. (offenses committed on or after Dec. 1, 2013, only) the Court finds, with the agreement of the District Attorney, that the offender is inappropriate for a conditional discharge for factors related to the offense.
Tòa Án không cho áp dụng biện pháp xóa bỏ bản án có điều kiện chiếu theo G.S. 90-96(a) bởi vì (đánh dấu tất cả ô thích hợp) bị cáo không đồng ý. (chỉ đối với các tội vi phạm vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2013) Tòa Án và Công Tố Viên Quận/Hạt thống nhất trong việc xác nhận rằng biện pháp xóa bỏ bản án có điều kiện không phù hợp cho người vi phạm này vì một số yếu tố liên quan đến hành vi vi phạm.
9. The Court finds that this was an offense involving child abuse or an offense involving assault or any of the acts as defined in G.S. 50B-1(a) committed against a minor. G.S. 15A-1382.1(a1).
Tòa Án xác nhận rằng vi phạm này có liên quan đến việc ngược đãi, hành hung trẻ em hoặc bất kỳ hành vi nào khác đối với trẻ em được định nghĩa trong G.S. 50B-1(a). G.S. 15A-1382.1(a1).

The Court, having considered evidence, arguments of counsel and statement of defendant, Orders that the above offenses, if more than one, be consolidated for judgment and the defendant be imprisoned for a term of _____ days in the custody of the: (check only one)

- Sheriff of _____ County. Other: _____
- Misdemeanor Confinement Program (sentences greater than 90 days for which a facility is not otherwise specified above).
Sau khi xem xét đầy đủ các bằng chứng, tranh luận của luật sư và lời khai của bị cáo, Tòa Án ra lệnh rằng các vi phạm trên (nếu có nhiều hơn một vi phạm) được gộp chung để phán quyết cùng lúc với nhau và bị cáo bị giam tù trong thời gian _____ ngày dưới sự quản lý của: (chỉ đánh dấu một ô)
- Cảnh Sát Trưởng của Quận/Hạt _____ . Nơi khác: _____
- Chương Trình Giam Giữ Người Phạm Tội Tiểu Hình (đối với các bản án lâu hơn 90 ngày mà không được chỉ định một cơ sở tù giam trên đây).

The defendant shall be given credit for _____ days spent in confinement prior to the date of this judgment as a result of this/these charge(s).
Bị cáo được trừ _____ ngày đã bị giam trước ngày ra Phán Quyết đối với (các) tội trạng này.

- The sentence imposed above shall begin at the expiration of all sentences which the defendant is presently obligated to serve.
Bản án ban hành trên đây sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày bị cáo thi hành xong tất cả các bản án khác mà bị cáo đang chịu.
- The sentence imposed above shall begin at the expiration of the sentence imposed in the case referenced below:
Bản án ban hành trên đây sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày bị cáo thi hành xong bản án ghi dưới đây:

File No. Số hồ sơ	Offense Tội trạng	County Quận/hạt	Court Tòa án	Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)

The Court further Orders: (check all that apply)

Tòa Án cũng ra lệnh rằng: (đánh dấu vào các ô thích hợp)

1. The defendant shall pay to the Clerk of Superior Court the "Total Amount Due" shown below.
Bị cáo phải nộp "Tổng số tiền phải trả" ghi dưới đây cho Lục Sự Tòa Thượng Thẩm.

Costs Án phí	Fine Tiền phạt	Restitution* Tiền bồi thường*	Attorney's Fees Chi phí luật sư	SBM Fee Lệ phí theo dõi bằng vệ tinh (SBM)	Appt Fee/Misc Lệ phí xếp hạng/Lệ phí khác	Total Amount Due Tổng số tiền phải trả
\$	\$	\$	\$	\$	\$	\$

*See attached "Restitution Worksheet, Notice And Order (Initial Sentencing)," AOC-CR-611, which is incorporated by reference.

*Xem mẫu AOC-CR-611, "Bảng Tính Tiền Bồi Thường, Thông Báo và Lệnh (Tuyên Án Lần Đầu)," được hợp nhất vào lệnh này thông qua việc dẫn chiếu.

2. The Court finds that restitution was recommended as part of the defendant's plea arrangement.
Tòa Án xác nhận rằng việc bồi thường được khuyến nghị trong thỏa thuận nhận tội dành cho bị cáo.
3. The Court finds just cause to waive costs, as ordered on the attached AOC-CR-618. Other: _____
Tòa Án xác nhận rằng có cơ sở chính đáng để cho miễn đóng các chi phí theo lệnh ở mẫu đính kèm AOC-CR-618.
 Mẫu khác: _____

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.
(Xem mặt sau)

4. The Court finds that the defendant is is not suitable for placement in a county satellite jail/work release unit. G.S. 15A-1352(a).
Tòa Án xác nhận rằng bị cáo là người có không phù hợp để thụ án ở nhà tù tỉnh của quận/hạt/cơ sở vừa ở tù vừa đi làm.
G.S. 15A-1352(a).
5. Work release, with the consent of the defendant.
Chương trình vừa ở tù vừa đi làm, nếu bị cáo đồng ý.
- a. After any required processing, defendant shall be committed to: [check (1) or (2)]
a. Sau khi làm các thủ tục giấy tờ cần thiết, bị cáo sẽ được chuyển đến: [đánh dấu ô (1) hoặc (2)]
- (1) _____ (prison facility/local confinement facility/satellite jail/work release unit within this county)
(1) _____ (một cơ sở tù giam/cơ sở giam giữ địa phương/nhà tù vệ tinh/cơ sở vừa ở tù vừa đi làm ở trong quận/hạt này)
- (2) _____ (local confinement facility/satellite jail/work release unit out of this county)
(2) _____ (một cơ sở giam giữ địa phương/nhà tù vệ tinh/cơ sở vừa ở tù vừa đi làm bên/ngoài quận/hạt này)
- The Sheriff or Board of County Commissioners has consented to commitment to the facility named in No.(2). G.S. 15A-1352(d).
Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt, hoặc Hội Đồng Quận/Hạt đã đồng ý cho bị cáo thụ án tại cơ sở được miêu tả ở trên và ghi rõ trong mục (2).
G.S. 15A-1352(d).
- b. The defendant's work release shall terminate on the date the offender loses his/her job or violates a condition of work release.
b. Lệnh cho phép bị cáo vừa ở tù vừa đi làm sẽ chấm dứt vào ngày bị cáo mất việc làm hoặc vi phạm một trong các điều kiện đặt ra để được tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm.
- c. Work release earnings shall be paid to the Clerk for payment of the items and amounts set out above after deduction by the Division of Adult Correction and Juvenile Justice of the amounts allowed under G.S. 148-33.1(f).
c. Tiền thù lao nhận được khi tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm sẽ được nộp cho Lục Sự Tòa Án để thanh toán các khoản và số tiền nêu trên, sau khi Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên đã khấu trừ các khoản được phép theo điều G.S. 148-33.1(f).
6. Other:
Lệnh khác:

The Court recommends:

Tòa Án khuyến nghị:

1. Substance abuse treatment. 2. Psychiatric and/or psychological counseling. 3. Work release should should not be granted.
1. Điều trị tình trạng lạm dụng chất gây nghiện. 2. Chương trình tư vấn tâm lý và/hoặc tư vấn tâm thần học. 3. Nên Không nên cho phép tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm
4. Payment from work release earnings, if applicable, of the "Total Amount Due" set out above. but the Court **does not recommend** restitution be paid from work release earnings.
4. Sử dụng tiền thù lao nhận được khi tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm, nếu có, để thanh toán "Tổng số tiền phải trả" nêu trên. tuy nhiên Tòa Án **không đề nghị** sử dụng tiền thù lao từ chương trình vừa ở tù vừa đi làm để thanh toán các khoản bồi thường.

The Court further recommends:

Các khuyến nghị thêm của Tòa Án:

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

**ORDER OF COMMITMENT/APEAL ENTRIES
LỆNH GIAM TÙ/CÁC GHI CHÚ VỀ VIỆC KHÁNG CÁO**

- It is ORDERED that the Clerk deliver **two** certified copies of this Judgment and Commitment to the sheriff or other qualified officer and that the officer cause the defendant to be delivered with these copies to the custody of the agency named on the reverse to serve the sentence imposed or until the defendant shall have complied with the conditions of release pending appeal.
- Tòa Án RA LỆNH cho Lục Sự giao **hai** bản sao y bản chính của Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này cho cảnh sát trưởng quận/hạt hoặc một viên chức có thẩm quyền khác, và ra lệnh cho người đó chuyển bị cáo cùng với các bản sao này đến cơ quan được nêu ở mặt trước để thụ án đã tuyên hoặc cho đến khi bị cáo đáp ứng các điều kiện để được tại ngoại trong thời gian chờ kháng cáo.
- The defendant gives notice of appeal from the judgment of the District Court to the Superior Court.
Bị cáo thông báo sẽ kháng cáo phán quyết của Tòa Án Khu Vực lên Tòa Án Thượng Thẩm.
- The current pretrial release order is modified as follows: _____
Lệnh tại ngoại chờ xét xử hiện tại được sửa đổi như sau: _____
- The defendant gives notice of appeal from the judgment of the Superior Court to the Appellate Division. Appeal entries and any conditions of post conviction release are set forth on form AOC-CR-350.
Bị cáo thông báo sẽ kháng cáo phán quyết của Tòa Án Thượng Thẩm lên Tòa Án Phúc Thẩm. Các ghi chú về việc kháng cáo và bất kỳ điều kiện nào để được tại ngoại sau khi bị kết án được ghi rõ trên mẫu AOC-CR-350.

**SIGNATURE OF JUDGE
CHỮ KÝ CỦA THẨM PHÁN**

<i>Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)</i>	<i>Name of Presiding Judge (type or print) Tên của Thẩm Phán Chủ Tòa (đánh máy hay viết chữ in)</i>	<i>Signature of Presiding Judge Chữ ký của Thẩm Phán Chủ Tòa</i>
--	---	--

**ORDER OF COMMITMENT AFTER APEAL
LỆNH GIAM TÙ SAU KHI KHÁNG CÁO BẢN ÁN**

<i>Date Remanded To District Court (mm/dd/yyyy) Ngày chuyển vụ án trở lại Tòa Án Khu Vực (tháng/ngày/năm)</i>	<i>Date Appeal Dismissed (mm/dd/yyyy) Ngày bác bỏ đơn xin kháng cáo (tháng/ngày/năm)</i>	<i>Date Withdrawal Of Appeal Filed (mm/dd/yyyy) Ngày rút lại đơn xin kháng cáo (tháng/ngày/năm)</i>	<i>Date Appellate Opinion Certified (mm/dd/yyyy) Ngày xác nhận phán quyết của Tòa Án Phúc Thẩm (tháng/ngày/năm)</i>
---	--	---	---

It is ORDERED that this Judgment be executed. It is FURTHER ORDERED that the sheriff arrest the defendant, if necessary, and recommit the defendant to the custody of the agency named in this Judgment on the reverse and furnish that agency **two** certified copies of this Judgment and Commitment as authority for the commitment and detention of the defendant.

Tòa Án RA LỆNH thi hành Phán Quyết này. Tòa án cũng RA LỆNH cho cảnh sát trưởng quận/hạt bắt giữ bị cáo, nếu cần, và chuyển bị cáo trở lại cơ quan được nêu ở mặt trước của Phán Quyết này cùng với **hai** bản sao y bản chính của Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này để làm giấy tờ ủy quyền cho việc giam giữ bị cáo này

<i>Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)</i>	<i>Signature Of Clerk Chữ ký của Lục Sự</i>	<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT <input type="checkbox"/> Asst CSC Phụ Tá LSTTT <input type="checkbox"/> Clerk of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm
--	---	--

**CERTIFICATION
CHỨNG NHẬN**

I certify that this Judgment and Commitment and the attachment(s) marked below is a true and complete copy of the original which is on file in this case. Tôi xác nhận rằng Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này, cùng với (các) văn bản đính kèm được đánh dấu dưới đây, đều là các bản sao chính xác và đầy đủ của bản gốc hiện được lưu ở hồ sơ vụ án.

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Appellate Entries (AOC-CR-350)
Các Ghi Chú Về Việc Kháng Cáo (AOC-CR-350)
<input type="checkbox"/> Restitution Worksheet, Notice And Order (Initial Sentencing) (AOC-CR-611)
Bảng Tính Tiền Bồi Thường, Thông Báo và Lệnh (Tuyên Án Lần Đầu) (AOC-CR-611)
<input type="checkbox"/> Additional File No.(s) And Offense(s) (AOC-CR-626)
(Các) Số Hồ Sơ và Tội Trạng Thêm (AOC-CR-626) | <input type="checkbox"/> Judicial Findings And Order For Sex Offenders - Active Punishment (AOC-CR-615, Side One)
Các Xác Nhận và Lệnh của Tòa Án về Người Phạm Tội Tình Dục - Bản Án Tù (AOC-CR-615, Mặt Một)
<input type="checkbox"/> Convicted Sex Offender Permanent No Contact Order (AOC-CR-620)
Lệnh Cấm Tiếp Xúc Dài Hạn Dành Cho Người Bị Kết Án Phạm Tội Tình Dục (AOC-CR-620)
<input type="checkbox"/> Other: _____
Văn bản khác: _____ |
|---|---|

<i>Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)</i>	<i>Date Certified Copies Delivered To Sheriff (mm/dd/yyyy) Ngày giao bản sao y bản chính cho cảnh sát trưởng quận/hạt (tháng/ngày/năm)</i>	<i>Signature Of Clerk Chữ ký của Lục Sự</i>	
		<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT <input type="checkbox"/> Asst CSC Phụ Tá LSTTT <input type="checkbox"/> Clerk of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm	SEAL ĐÓNG DẤU

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.
(Xem mặt sau)

STATE OF NORTH CAROLINA
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.
Số Hồ Sơ:

_____ County
Quận/Hạt _____

In The General Court Of Justice
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý
 District Superior Court Division
Phân Bộ Tòa Án Khu Vực Thượng Thẩm

STATE VERSUS
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

ADDITIONAL FILE NO.(S) AND OFFENSE(S)
(CÁC) SỐ HỒ SƠ VÀ/HOẶC TỘI TRẠNG THÊM

Name Of Defendant
Tên Bị Cáo

NOTE: Use this page in conjunction with all NCAOC judgment or probationary forms, to list additional offenses of conviction, deferred prosecution, or conditional discharge addressed in the court's order. There are no A,B,C,D, or other variations of this form, so this page can be used to continue an offense list from any of the related forms, for any date(s) of offense or conviction.

LƯU Ý: Sử dụng trang này cùng với tất cả các mẫu phán quyết hoặc mẫu quản chế của NCAOC để ghi thêm các vi phạm đã kết án cũng như các biện pháp hoãn tố hoặc xóa bỏ bản án có điều kiện được nêu trong lệnh của Tòa Án. Mẫu này không có phiên bản A, B, C, D hoặc bất kỳ phiên bản nào khác, do vậy trang này có thể được sử dụng cùng với bất kỳ mẫu liên quan nào để tiếp tục liệt kê các vi phạm xảy ra vào bất cứ ngày vi phạm hoặc ngày kết án nào.

File No.(s) (Các) Số hồ sơ	Off. Vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date (mm/dd/yyyy) Ngày vi phạm (tháng/ngày/năm)	G.S. No. Số G.S.	F/M DH/TH	CL. Bậc tội	*Pun. CL. *Bậc hình phạt
VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG VIỆT CỦA TÀI LIỆU NÀY							

*NOTE: Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).

*LƯU Ý: Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).

(Over)
(Xem mặt sau)

		ADDITIONAL FILE NO.(S) AND OFFENSE(S) (CÁC) SỐ HỒ SƠ VÀ/HOẶC TỘI TRẠNG BỔ SUNG					
File No.(s) (Các) Số hồ sơ	Off. Vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date (mm/dd/yyyy) Ngày vi phạm (tháng/ngày/năm)	G.S. No. Số G.S.	F/M DH/TH	CL. Bậc tội	*Pun. CL. *Bậc hình phạt

VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG ANH CỦA MẪU NÀY

***NOTE:** Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).
***LƯU Ý:** Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).